

1

* Theo đơn khởi kiện gửi ngày 03/10/2018 cũng như quá trình giải quyết vụ án phía nguyên đơn trình bày:

Ngày 30/8/2008, Ngân hàng TMCP A (nay là Ngân hàng Thương Mại TNHH MTV A) và Công ty CP khoáng sản B (Nay là Công ty CP Khoáng sản và đầu tư B) đã ký Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 0117/HĐTD/GPBHO/07 với nội dung cụ thể như sau:

- Số tiền vay: 1.500.000.000 VND (một tỷ năm trăm triệu đồng).
- Thời hạn vay: 36 tháng.
- Mục đích vay: đầu tư mua trạm nghiền sàng Huyndai mới (công suất $40m^3/h$) và máy đào bánh xích hiệu Cobeco gàu $1,2m^3$.
- Lãi suất vay: 1,1%/tháng trong 06 tháng đầu, 06 tháng tiếp theo bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả sau của GPBank + 3,7%/năm nhưng không thấp hơn 1,1%/ tháng (lãi suất sẽ được điều chỉnh 06 tháng/lần).
- Hình thức trả nợ: trả nợ gốc 06 tháng/lần với số tiền 250.000.000 đồng, trả nợ lãi 01 tháng/lần.

Căn cứ nội dung Hợp đồng tín dụng trên, Visaco đã ký kết khế ước nhận nợ số 0117.01/KUNN-GPBHO/07 ngày 31 tháng 8 năm 2007 với ngân hàng. Cùng ngày, ngân hàng đã giải ngân đủ số tiền 1.500.000.000 VND (Một tỷ năm trăm triệu đồng chẵn).

*** Biện pháp bảo đảm tiền vay:**

01 máy san đường hiệu Komatsu, 01 máy rải nhựa đường hiệu Sumitomo; 01 trạm trộn bê tông nhựa; 01 trạm nghiền đá.

II. Thông tin về tài sản bảo đảm

(Căn cứ hợp đồng thế chấp tài sản số: 0117/ 07/HĐTC/GPB-TTKD ký ngày 30/8/2007).

• Tài sản 1: Trạm trộn bê tông nhựa và trạm nghiền đá

- Giấy tờ kèm theo:
 - + Hợp đồng kinh tế số 59/HĐ-MVIC ngày 01/8/2007 về việc mua bán trạm nghiền sàng đá và trạm trộn bê tông nhựa;
 - + Biên bản bàn giao tài sản kèm theo danh sách tài sản góp vốn ngày 16/7/2007;
 - + Hóa đơn GTGT số 0065326 ngày 10 tháng 8 năm 2007

• Tài sản 2: Máy san đường và máy rải nhựa đường:

- Giấy tờ kèm theo:
 - + Hợp đồng mua bán số 17/TĐ-PETRO ngày 02 tháng 8 năm 2007;
 - + Biên bản bàn giao ngày 04 tháng 8 năm 2007 giữa Công ty cổ phần khoáng sản và đầu tư B và Công ty TNHH C;
 - + Hóa đơn GTGT số 0058559 mua bán máy san đường;
 - + Hóa đơn GTGT số 0058560 mua bán máy rải nhựa đường;
 - + Tờ khai hàng hóa nhập khẩu số 5562/NK/KD/KV3 ngày 26/7/2004, phụ lục tờ khai, Invoice, Certificate, Packing list, Quality and quantity certificate.

III. Quá trình giải quyết khoản nợ

Trong quá trình thực hiện các hoạt động kinh doanh, Công ty TNHH MTV A mua lại một số khoản nợ để xử lý, trong đó có khoản vay của Công ty CP khoáng sản và đầu tư B. Khoản vay của Công ty CP khoáng sản và đầu tư B lúc mua vào là: **Số dư nợ gốc: 1,067,398,573 đồng, số dư nợ lãi: 355,202,381 đồng, tổng nợ gốc lãi là: 1,422,600,954 đồng.**

Ngay sau khi mua nợ, Công ty TNHH MTV A đã nhiều lần tìm cách liên hệ, gửi công văn, nhưng do vấn đề khoảng cách địa lý nên việc trao đổi với khách hàng gặp nhiều khó khăn, không đòi được nợ.

Trong bản cáo ngày 29/9/2014, Công ty CP khoáng sản và đầu tư B không công bố khoản nợ vay quá hạn tại Công ty TNHH MTV A. Trên thực tế, khoản vay quá hạn của Công ty CP khoáng sản và đầu tư B tại Công ty TNHH MTV A tạm tính đến ngày 23/5/2016 là 3.268.656.907 đồng, trong đó 1.067.398.573 đồng nợ gốc và 2.201.258.334 đồng nợ lãi, lãi phạt, lãi quá hạn.

Tại biên bản làm việc ngày 11/11/2014 giữa đại diện Công ty TNHH MTV A và Công ty CP khoáng sản và đầu tư B đã xác nhận khoản vay tại Công ty TNHH MTV A và đề xuất xóa lãi của khoản vay, nghiên cứu giảm nợ gốc hoặc chuyển nợ gốc thành vốn góp, hoặc mua bán nợ để giảm áp lực về tài chính giúp công ty.

Ngày 05/12/2014, Công ty TNHH MTV A gửi công văn số 3146/2014/TGD-ĐT, đề nghị Công ty CP khoáng sản và đầu tư B thực hiện cam kết tại biên bản làm việc ngày 11/11/2014. Tại công văn số 22/CV-CT/2014 ngày 09/12/2014, phúc đáp công văn số 3146/2014/TGD-ĐT ngày 05/12/2014 của Công ty TNHH MTV A, Công ty CP khoáng sản và đầu tư B lại tiếp tục đưa ra ba phương án:

- + Phương án 1: chuyển nợ gốc thành vốn góp;
- + Phương án 2: mua bán nợ;
- + Phương án 3: thu nợ gốc bằng tiền mặt.

Và cam kết sẽ tất toán dứt điểm khoản nợ gốc trên trước ngày 30/6/2015. Đồng thời đề nghị Công ty TNHH MTV A xóa khoản nợ lãi, lãi phạt, lãi quá hạn.

Tại công văn số 3222/2014/TGD-ĐT ngày 16/12/2014, Công ty TNHH MTV A đồng ý giảm lãi phạt quá hạn và phần lãi phạt chậm trả (508.337.357 đồng cho Công ty CP khoáng sản và đầu tư B, đồng thời yêu cầu Công ty CP khoáng sản và đầu tư B thanh toán phần nợ gốc (1.067.398.573 đồng) và phần lãi trong hạn (1.245.337.660 đồng) cho Công ty TNHH MTV A. Công ty CP khoáng sản và đầu tư B cam kết thanh toán nợ gốc (1.067.398.573 đồng) trước ngày 31/03/2015 (thời hạn thanh toán cũ đề nghị trong công văn số 22/CV-CT/2014 là 30/06/2015), nguồn thanh toán được trích từ đợt phát hành tăng vốn trong khoản mục cản trừ công nợ. Đồng thời, đề nghị GPBank cân nhắc và xóa phần nợ lãi trong hạn (1.245.337.660 đồng) (công văn số 22/CV-CT/2014 ngày 09/12/2014).

Tại công văn số 02/CV-CT/2015, Công ty CP khoáng sản và đầu tư B tiếp tục đề nghị xóa nợ lãi trong hạn và cam kết trả nợ gốc theo lộ trình: trong tháng 02/2015 trả nợ gốc 500.000.000 đồng, trong tháng 03/2015 trả nợ gốc 567.398.573 đồng.

Tuy nhiên do đã thống nhất việc trả nợ gốc và miễn phần lãi phạt chậm trả trong các Biên bản làm việc và công văn trước đó, nên Công ty TNHH MTV A không trả lời các công văn này của Công ty CP khoáng sản và đầu tư B.

Đến ngày 17/8/2015, Công ty CP khoáng sản và đầu tư B tiếp tục gửi công văn số 62/2015/CV-VMI, đề xuất “xóa nợ lãi 100%, giảm nợ gốc 50% theo số dư nợ gốc”. Căn cứ hồ sơ và thực trạng khoản vay cũng như các quy định về miễn, giảm lãi của Công ty TNHH MTV A, thì Công ty CP khoáng sản và đầu tư B không đủ điều kiện và không thuộc đối tượng miễn giảm lãi nên Công ty TNHH MTV A đã đề nghị Công ty CP khoáng sản và đầu tư B thu xếp tài chính thanh toán toàn bộ gốc và lãi phát sinh.

Tại biên bản làm việc ngày 27/7/2016 giữa đại diện Công ty TNHH MTV A và Công ty CP khoáng sản và đầu tư B, đã xác nhận khoản vay tại GPBank, đề nghị thanh toán gốc, xóa lãi, gốc được trả dần: năm 2016 trả ít nhất 300 triệu đồng nợ gốc, hàng tháng trả từ 50-100 triệu, bắt đầu thanh toán từ tháng 8/2016, năm 2017 sẽ trả hết phần nợ gốc còn lại.

Tuy vậy đến nay, sau rất nhiều lần gửi công văn thông báo dư nợ và đề nghị thanh toán, nhưng Công ty CP khoáng sản và đầu tư B không có văn bản trả lời, có thái độ chây ỳ, không hợp tác để xử lý khoản nợ trên.

IV. Yêu cầu của nguyên đơn

Tại đơn khởi kiện Công ty TNHH MTV A kính đề nghị Tòa án nhân dân quận Hải Châu - thành phố Đà Nẵng tuyên buộc Công ty CP khoáng sản và đầu tư B phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản vay, trả cho Công ty TNHH MTV A tổng số tiền cả gốc và lãi tạm tính đến ngày **31/8/2018 theo Hợp đồng tín dụng số 0117/HĐTD/GPBHO/07 và Khế ước nhận nợ số 0117.01/KU'NN-GPBHO/07 ký ngày 31/8/2007 là 3.870.401.036 đồng**, trong đó:

+ *Nợ gốc* : 1.017.398.573 đồng
+ *Nợ lãi* : 2.853.002.463 đồng .

Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc tuyên buộc Công ty CP khoáng sản và đầu tư B phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản vay, trả cho Công ty TNHH MTV A tổng số tiền cả gốc và lãi tạm tính đến ngày **22/02/2019 với tổng số tiền: 4.007.876.967 đồng, trong đó: Nợ gốc: 1.017.398.573 đồng, nợ lãi: 2.990.418.394 đồng (Lãi trong hạn: 228.662.947 đồng, lãi quá hạn: 2.761.755.447 đồng).**

- Kính đề nghị Quý Tòa tiếp tục tính lãi khoản nợ đến ngày kết thúc vụ án.

Trong trường hợp Công ty CP khoáng sản và đầu tư B không thực hiện nghĩa vụ thanh toán thì phát mại tài sản sản thế chấp gồm:

- 01 máy san đường hiệu Komatsu, 01 máy rải nhựa đường hiệu Sumitomo; 01 trạm trộn bê tông nhựa; 01 trạm nghiền đá theo hợp đồng thế chấp tài sản số: 0117/07/HĐTC/GPB-TTKD ký ngày 30/8/2007.

* Đối với bị đơn Công ty CP khoáng sản và đầu tư B trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến Tòa nhiều lần để lấy lời khai và hòa giải theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, tuy nhiên phía bị đơn đều không có mặt và không có lý do gì về việc vắng mặt nên không lấy được lời khai và hòa giải về nội dung tranh chấp trong vụ án được.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng phát biểu quan điểm:

Về chấp hành pháp luật tố tụng: kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án, thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã chấp hành đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự trong vụ án cũng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, phát biểu quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa lần thứ hai hôm nay, bị đơn Công ty CP khoáng sản và đầu tư B đều vắng mặt và không có lý do. Do đó, HĐXX căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa người đại diện của nguyên đơn Công ty TNHH MTV A yêu cầu Tòa án buộc Công ty CP khoáng sản và đầu tư B phải có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số tiền nợ tạm tính đến 22/02/2019 với tổng số tiền: 4.007.876.967 đồng, trong đó: Nợ gốc: 1.017.398.573 đồng, nợ lãi: 2.990.418.394 đồng (Lãi trong hạn: 228.662.947 đồng, lãi quá hạn: 2.761.755.447 đồng).

Yêu cầu Tòa án tiếp tục tính lãi chậm trả theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng nêu trên cho đến ngày Công ty CP khoáng sản và đầu tư B thực tế thanh toán hết nợ. Trong trường hợp Công ty CP khoáng sản và đầu tư B không trả số tiền trên thì phát mại tài sản sản thế chấp để Công ty TNHH MTV A thu hồi nợ.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn thấy: Hợp đồng tín dụng hai bên đã ký kết số 0117/HĐTD/GPBHO/07 ngày 30/08/2008 giữa Ngân hàng TMCP A và Công ty CP khoáng sản B (Nay là Công ty CP Khoáng sản và đầu tư B) có hình thức và nội dung phù hợp với quy định của pháp luật. Đây là hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi theo hình thức trả nợ

gốc 06 tháng/lần (mỗi lần 250.000.000 đồng), trả nợ lãi 01 tháng/lần, thời hạn vay trong thời hạn 36 tháng (tức ngày 31/08/2010) nên có hiệu lực đối với các bên tham giao giao dịch.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay, phía Công ty CP khoáng sản và đầu tư B đã thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc tổng cộng 02 lần với tổng số tiền 500.000.000 đồng, cụ thể: Ngày 29/02/2008 trả số tiền 250.000.000 đồng; ngày 30/08/2008 trả số tiền 250.000.000 đồng.

Quá trình hoạt động, Công ty TNHH MTV A mua lại lại khoản vay của Công ty CP khoáng sản B (Nay là Công ty CP Khoáng sản và đầu tư B) để xử lý với số dư nợ gốc lúc mua vào: 1.067.398.573 đồng, số dư nợ lãi là 355.202.381 đồng. Tổng cộng là 1.422.600.954 đồng. Đối với Công ty CP Khoáng sản và đầu tư B quá trình thực hiện nghĩa vụ vay theo hợp đồng đã vi phạm nghĩa vụ cam kết trả nợ thể hiện trong các biên bản làm việc ngày 11/11/2014; biên bản làm việc ngày 27/07/2016; biên bản làm việc ngày 27/7/2016 giữa Công ty TNHH MTV A và Công ty CP Khoáng sản và đầu tư B thể hiện còn nợ số tiền gốc: 1.017.398.573 đồng, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV A buộc Công ty CP khoáng sản và đầu tư B (tên cũ công ty: Công ty cổ phần khoáng sản B) phải trả cho Công ty TNHH MTV A tổng số tiền: 4.007.876.967 đồng tạm tính đến ngày 22/02/2019, trong đó: Nợ gốc: 1.017.398.573 đồng, nợ lãi: 2.990.418.394 đồng (Lãi trong hạn: 228.662.947 đồng, lãi quá hạn: 2.761.755.447 đồng).

Lãi tiếp tục được tính kể từ ngày 23/02/2019 theo mức lãi suất hai bên đã ký tại Hợp đồng tín dụng số tín dụng số 0117/HĐTD/GPBHO/07 cho đến khi Công ty CP khoáng sản và đầu tư B (tên cũ công ty: Công ty cổ phần khoáng sản B) thanh toán xong các khoản nợ cho Công ty TNHH MTV A.

Trong trường hợp Công ty CP khoáng sản và đầu tư B (tên cũ công ty: Công ty cổ phần khoáng sản B) không thực hiện nghĩa vụ thanh toán hoặc thực hiện không đầy đủ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu phát mại tài sản sản thế chấp để Công ty TNHH MTV A để thu hồi nợ gồm: 01 máy san đường hiệu Komatsu, 01 máy rải nhựa đường hiệu Sumitomo; 01 trạm trộn bê tông nhựa; 01 trạm nghiền đá theo hợp đồng thế chấp tài sản số: 0117/07/HĐTC/GPB-TTKD ký ngày 30/8/2007.

[4] Về án phí: Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm Công ty CP khoáng sản và đầu tư B (tên cũ công ty: Công ty cổ phần khoáng sản B) phải chịu theo quy định của pháp luật là: 112.007.877 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng : Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Áp dụng Điều 463, 466, Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" của : Công ty TNHH MTV A đối với Công ty CP khoáng sản và đầu tư B (tên cũ công ty: Công ty cổ phần khoáng sản B).

Xử:

1. Buộc Công ty CP khoáng sản và đầu tư B (tên cũ công ty: Công ty cổ phần khoáng sản B) phải trả cho Công ty TNHH MTV A tổng số tiền: 4.007.876.967 đồng tạm tính đến ngày 22/02/2019, trong đó: Nợ gốc: 1.017.398.573 đồng, nợ lãi: 2.990.418.394 đồng (Lãi trong hạn: 228.662.947 đồng, lãi quá hạn: 2.761.755.447 đồng).

Trong trường hợp Công ty CP khoáng sản và đầu tư B (tên cũ công ty: Công ty cổ phần khoáng sản B) không thực hiện nghĩa vụ thanh toán hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thì Công ty TNHH MTV A có quyền yêu cầu phát mại tài sản sản thế chấp gồm: 01 máy san đường hiệu Komatsu, 01 máy rải nhựa đường hiệu Sumitomo; 01 trạm trộn bê tông nhựa; 01 trạm nghiền đá theo hợp đồng thế chấp tài sản số: 0117/ 07/HĐTC/GPB-TTKD ký ngày 30/8/2007 để Công ty TNHH MTV A thu hồi nợ.

2. Kể từ ngày 23.02.2019 Công ty CP khoáng sản và đầu tư B (tên cũ công ty: Công ty cổ phần khoáng sản B) còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 0117/HĐTD/GPBHO/07 ngày 30/08/2008 cho đến khi Công ty CP khoáng sản và đầu tư B (tên cũ công ty: Công ty cổ phần khoáng sản B) thanh toán xong các khoản nợ cho Công ty TNHH MTV A.

3. Về án phí: Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: 112.007.877 đồng (*Một trăm mười hai triệu, không trăm không bảy ngàn, tám trăm bảy mươi bảy đồng*) Công ty CP khoáng sản và đầu tư B (tên cũ công ty: Công ty cổ phần khoáng sản B) phải chịu theo quy định của pháp luật . Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm cho Công ty TNHH MTV A đã nộp là: 54.704.010 đồng theo biên lai thu số 0006591 ngày 12.10.2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

4. Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án

được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
quận Hải Châu, TP Đà Nẵng.
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN

TRƯỞNG THANH PHÚC

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Xoa

Huỳnh Thanh Trà

Trương Thanh Phúc

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
quận Hải Châu, TP Đà Nẵng.
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN

TRƯỞNG THANH PHÚC

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thanh Phúc